

TÒA PHÚC THẨM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 637/2025/HS-PT
Ngày 17-12-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA PHÚC THẨM TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Ngọc Tuấn.

Các Thẩm phán: Ông Lê Hoàng Tấn.

Ông Dương Anh Văn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Cẩm Linh – Thẩm tra viên Tòa Phúc Thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Vi D - Kiểm sát viên.

Ngày 17/12/2025, tại trụ sở Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 360/2025/TLST-HS ngày 20/10/2025 đối với bị cáo Trần Ngọc M (và các bị cáo khác) do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 91/2025/HS-ST ngày 12-9-2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

Bị cáo có kháng cáo:

1. Họ và tên: Trần Ngọc M, sinh ngày 21/4/1995, tại tỉnh Cà Mau; nơi thường trú: ấp C, xã K, huyện U, tỉnh Cà Mau (nay là xã K, tỉnh Cà Mau); tạm trú: ấp M, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An (nay là xã M, tỉnh Tây Ninh); nghề nghiệp: Công nhân; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới: Nam; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông Trần Văn T, sinh năm 1967 và bà Thái Thị Ú, sinh năm 1969; có vợ là bà Nguyễn Thị Giang E, sinh năm 1994 và 01 người con sinh năm 2018; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giam từ ngày 08/02/2023 tại Trại Tạm giam Công an tỉnh L (nay là Trại Tạm giam số 2 (PC11B) - Công an tỉnh T); có mặt.

2. Dương Chí L, sinh ngày 01/01/1994, tại tỉnh Đồng Tháp; nơi thường trú: ấp C, xã T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp (nay là xã T, tỉnh Đồng Tháp); tạm trú: ấp M, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An (nay là xã M, tỉnh Tây Ninh); nghề nghiệp: Công nhân; trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: Kinh; giới: Nam; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông Dương Văn L1, sinh năm 1958 và bà Huỳnh Thị D1, sinh năm 1959; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giam từ ngày 09/02/2023 tại Trại Tạm giam Công an tỉnh L (nay là Trại Tạm giam số 2 (PC11B) - Công an

tỉnh T); có mặt.

3. Nguyễn Minh T1, sinh ngày 01/01/1994, tại tỉnh Long An (nay là tỉnh Tây Ninh); nơi thường trú: ấp R, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An (nay là xã Đ, tỉnh Tây Ninh); nghề nghiệp: Công nhân; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới: Nam; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông Nguyễn Văn D2, sinh năm 1971 và bà Nguyễn Thị Tuyết N, sinh năm 1971; chưa có vợ, con; tiền sự: Không; tiền án: Ngày 25/8/2016, bị Tòa án nhân dân tỉnh Long An xử phạt 06 năm tù về tội “*Giết người*”, chấp hành án phạt tù đến ngày 10/01/2020 được tha tù trước thời hạn; bị bắt tạm giam từ ngày 12/02/2023 tại Trại Tạm giam Công an tỉnh L (nay là Trại Tạm giam số 2 (PC11B)- Công an tỉnh T); có mặt.

Người bào chữa cho các bị cáo: Luật sư Đoàn Trọng N1 – Trưởng Văn phòng L3 thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H; địa chỉ: Số I đường số B, phường H, Thành phố Hồ Chí Minh; có mặt.

(Các bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có kháng cáo, không liên quan đến kháng cáo nên không triệu tập)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 22 giờ 30 phút ngày 24/7/2022, Nguyễn Tiến H, Nguyễn Tiến H1, Bùi Văn T2, Lê Trọng D3, Lê Văn L2 và Nguyễn Đình T3 đang uống nước tại nhà của H thuộc ấp M, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An. Lúc này, Dương Chí L điều khiển xe mô tô hiệu Yamaha, loại Exciter, biển số 68C1-319.43 chở Nguyễn Minh T1 ngồi sau dừng lại phía sau xe ô tô biển số 70A-081.39 của anh L2 đang đỗ trước nhà anh H. T1 và L cự cãi với những người trong nhà anh H vì cho rằng xe ô tô đậu chắn lối đi. L và T1 bỏ xe mô tô tại đây rồi đi bộ về nhà trọ của Trần Ngọc M cách nhà anh H khoảng 50m. Tại đây, L rủ M đem hung khí ra để quay lại đánh những người trong nhà anh H. M đồng ý rồi đi vào phòng trọ của M lấy 01 con dao tự chế dài 49,5cm, cán bằng nhựa màu trắng dài 13cm, lưỡi dài 36,5cm, nơi rộng nhất 5,7cm, mũi nhọn đưa cho L, 01 dao tự chế dài khoảng 50cm, cán quần bằng keo màu đen dài khoảng 20cm, lưỡi bằng kim loại sắt, màu trắng, rộng khoảng 04cm, dài khoảng 30cm, mũi nhọn, có mặt sắc, mặt tày đưa cho T1, M thì lấy một khẩu súng ngắn màu đen để trong túi nhựa màu vàng có quai xách cất giấu bên hông phải phòng trọ của M (do M mua khoảng tháng 3/2022) cầm trên tay. M, T1 và L cầm vũ khí, hung khí đi qua nhà anh H để đánh những người trong nhà anh H. Khi đến nơi, thấy anh H từ trong nhà bước ra, T1 dùng dao tự chế chém 01 cái trúng bàn tay trái gây thương tích, chém anh H1 trúng vào mặt và bàn tay trái. L dùng dao chém những người trong nhà nhưng không trúng ai. M đứng trước cửa nhà, cách anh H1 04m dùng súng bắn 01 phát trúng vào vùng cung mày trái anh H1 gây thương tích. Lúc này, anh L2 điều khiển xe ô tô, biển số 70A-081.39 đến để chở H và H1 đi bệnh viện để điều trị vết thương. Anh D3 ra đóng cửa cổng lại thì T1 tiếp tục chém D3 gây thương tích ở bàn tay trái và vùng đầu. Khi xe ô tô của anh L2 chạy được khoảng 50m thì L và T1 chạy bộ đuổi theo dùng dao tự chế chém nhiều cái vào xe làm vỡ kính chắn gió phía sau, vỡ kính cửa phía trước bên trái, gây gương chiếu hậu bên phải, vỡ gương chiếu hậu bên trái, vỡ đèn sau bên phải. Sau

đó, L phát hiện mình bị thương ở bắp tay trái nên nói cho T1 biết, rồi cả nhóm bỏ đi.

Tại Kết luận giám định pháp y về thương tích số 311/TgT.22PY ngày 15-11-2022 của Trung tâm Pháp y tỉnh L kết luận: Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tại thời điểm giám định của Nguyễn Tiến H1 là 07%, gồm:

- 01 sẹo vùng cung mày trái có tỷ lệ thương tích là 03%,
- 01 sẹo vùng gò má phải có tỷ lệ thương tích là 03%,
- 01 sẹo vùng ngón III, đốt xa bàn tay trái có tỷ lệ thương tích là 01%.

Tại Kết luận giám định pháp y về thương tích số 312/TgT.22PY ngày 15-11-2022 của Trung tâm Pháp y tỉnh L kết luận: Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tại thời điểm giám định của Nguyễn Tiến H là 03%, gồm:

- 01 sẹo nhỏ ngón 3 bàn tay phải có tỷ lệ 01%.
- 01 sẹo nhỏ ngón 4 bàn tay phải có tỷ lệ 01%.
- 01 sẹo nhỏ ngón 5 bàn tay phải có tỷ lệ 01%.

Tại Công văn số 351 ngày 27/11/2023 của Trung tâm P, Sở Y, giải trình kết luận giám định tổn thương cơ thể của Nguyễn Tiến H như sau: Với tình trạng thương tích của nạn nhân Nguyễn Tiến H nếu không được cấp cứu kịp thời thì không dẫn đến tử vong.

Tại Công văn số 116/TTPY-GĐTH, ngày 11/4/2023 của Trung tâm Pháp y tỉnh L kết luận: Vết thương sẹo nhỏ vùng cung mày trái kích thước 1,3cm x 0,2cm trên mặt Nguyễn Tiến H1 là phù hợp do đầu đạn gây ra. Vết thương này gây ra tỷ lệ tổn thương cơ thể đối với Nguyễn Tiến H1 là 03%.

Tại Kết luận giám định pháp y về thương tích số 313/TgT.22PY ngày 15-11-2022 của Trung tâm Pháp y tỉnh L kết luận: Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tại thời điểm giám định của Lê Trọng D3 là 03%, gồm:

- 01 sẹo vết thương vùng cằm trái kích thước trung bình, tỷ lệ 02 %.
- 01 sẹo vết thương mu bàn tay trái kích thước nhỏ, tỷ lệ 01%.

Tại Công văn số 359 ngày 28/11/2023 của Trung tâm P, Sở Y, giải trình kết luận giám định tổn thương cơ thể của Lê Trọng D3 như sau: Với tình trạng thương tích của nạn nhân Lê Trọng D3 nếu không được cấp cứu kịp thời thì không dẫn đến tử vong.

Tại Kết luận giám định số 4227/KL-KTHS ngày 28/7/2022 của Phân Viện Khoa học hình sự Bộ C tại Thành phố Hồ Chí Minh kết luận:

- Khẩu súng ổ xoay gửi giám định là súng chế tạo thủ công nòng nhẵn, sử dụng để bắn với đạn cỡ (5,6 x 15,6)mm. Các bộ phận chính của súng có đủ, lắp ráp đúng vị trí và bắn được đạn nổ. Khẩu súng trên là có tính năng tác dụng tương tự vũ khí quân dụng, thuộc nhóm vũ khí quân dụng. Sử dụng khẩu súng nêu trên bắn với loại đạn phù hợp, đạn nổ vào cơ thể người có thể gây thương vong;

- 03 (ba) viên đạn, đít đạn ký hiệu C và một vỏ đạn đã bắn, đít vỏ đạn ký hiệu C gửi giám định là vỏ đạn và viên đạn của loại đạn thể thao cỡ (5,6x15,6)mm, loại

đạn này thường sử dụng để bắn cho một số loại súng cỡ nòng 5,6mm như: súng ám sát hình bút, súng TOZ8, súng K55, khẩu súng ổ xoay.

- Vò đạn đã bắn gửi giám định là do khẩu súng ngắn ổ xoay bắn ra.

Tại Công văn số 814/C09B ngày 03/11/2022, giải thích kết luận giám định của P Bộ C tại Thành phố Hồ Chí Minh kết luận: Khẩu súng ổ xoay gửi giám định nêu trên là vũ khí quân dụng.

Tại Kết luận về định giá tài sản số 75/KL.ĐGTS, ngày 27/7/2022 của Hội đồng Định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Đ kết luận: Tổng giá trị tài sản bị hư hỏng của xe ô tô biển kiểm soát 70A-081.39 là 7.900.000 đồng.

Ngày 11/7/2024, Cơ quan CSĐT Công an tỉnh L tổ chức bắn thực nghiệm đối với khẩu súng thu giữ được của Trần Ngọc M. Mục tiêu bắn là một con heo, khoảng cách bắn là 05m, tính từ nòng súng. Kết quả thực nghiệm:

- Bắn 01 viên đạn vào vùng đầu mục tiêu bắn. Sau khi bắn kiểm tra mục tiêu phát hiện vết thương thủng da, chảy máu tại vị trí đùi trước, vết thương sâu 02cm, bên trong vết thương phát hiện đầu đạn bằng kim loại màu đen xám.

- Bắn 01 viên đạn vào vùng bụng mục tiêu bắn. Sau khi bắn kiểm tra mục tiêu phát hiện có vết thương thủ da, chảy máu tại vùng bụng, vết thương thủ da trượt vào sâu 01 cm, bên trong vết thương phát hiện đầu đạn bằng kim loại màu đen xám.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 91/2025/HS-ST ngày 12-9-2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh đã quyết định (tóm tắt):

Tuyên bố bị cáo Trần Ngọc M phạm tội “*Giết người*”, tội “*Cố ý gây thương tích*” và tội “*Tàng trữ, sử dụng trái phép vũ khí quân dụng*”.

Căn cứ điểm n khoản 1 Điều 123, Điều 15, Điều 17, điểm b, khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 50 và Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), xử phạt bị cáo Trần Ngọc M hình phạt 12 năm tù về tội “*Giết người*”.

Căn cứ điểm a, i khoản 1 Điều 134, Điều 17, điểm s, b khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 50 và Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), xử phạt bị cáo Trần Ngọc M 01 năm 06 tháng tù về tội “*Cố ý gây thương tích*”

Căn cứ khoản 1 Điều 304, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 và Điều 50 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), xử phạt bị cáo Trần Ngọc M 02 năm tù về tội “*Tàng trữ, sử dụng trái phép vũ khí quân dụng*”.

Áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự, buộc bị cáo M chấp hành hình phạt chung là 15 năm 06 tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày 08/02/2023.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Minh T1 và Dương Chí L phạm tội “*Giết người*”, tội “*Cố ý gây thương tích*” và tội “*Cố ý làm hư hỏng tài sản*”

Căn cứ điểm n, p khoản 1 Điều 123, Điều 15, Điều 17, điểm b khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 50, Điều 54 và Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), xử phạt bị cáo Nguyễn Minh T1 hình phạt 11 năm tù về tội “*Giết người*”.

Căn cứ điểm a, i khoản 1 Điều 134, điểm s, b, khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 50, Điều 52 và Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), xử phạt bị cáo Nguyễn Minh T1 01 năm 06 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”.

Căn cứ khoản 1 Điều 178, Điều 17, điểm s, b khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 50, Điều 52 và Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), xử phạt bị cáo Nguyễn Minh T1 01 năm tù về tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản”.

Áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự, buộc bị cáo T1 chấp hành hình phạt chung là 13 năm 06 tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày 12/02/2023.

Căn cứ điểm n khoản 1 Điều 123, Điều 15, Điều 17, điểm b khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 50, Điều 54 và Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), xử phạt bị cáo Dương Chí L hình phạt 10 năm tù về tội “Giết người”.

Căn cứ điểm a, i khoản 1 Điều 134, Điều 17, điểm s, b khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 50 và Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), xử phạt bị cáo Dương Chí L 01 năm 06 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”.

Căn cứ khoản 1 Điều 178, Điều 17, điểm s, b khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 50 và Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), xử phạt bị cáo Dương Chí L 01 năm tù về tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản”.

Áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự, buộc bị cáo L chấp hành hình phạt chung là 12 năm 06 tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày 09/02/2023.

Tiếp tục tạm giam các bị cáo 45 ngày, kể từ ngày tuyên án 12/9/2025 để đảm bảo việc thi hành án.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về trách nhiệm dân sự, về xử lý vật chứng, về án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự sơ thẩm và quyền kháng cáo.

Sau khi xét xử sơ thẩm, các bị cáo kháng cáo như sau:

- Bị cáo Trần Ngọc M kháng cáo kêu oan về tội “Giết người” và xin giảm nhẹ hình phạt.

- Các bị cáo Dương Chí L và Nguyễn Minh T1 kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo M giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các bị cáo L và T1 rút lại đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Trong phần tranh luận:

Đại diện Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm giải quyết vụ án: Các bị cáo L và T1 tự nguyện rút lại đơn kháng cáo nên đề nghị đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của các bị cáo này.

Bị cáo M kháng cáo kêu oan về tội “Giết người” và xin giảm nhẹ hình phạt, nhưng xét thấy tội danh mà Bản án sơ thẩm đã xét xử đối với hành vi của bị cáo M

là đúng. Khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã cân nhắc, xem xét đầy đủ các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để áp dụng mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo M. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo M, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

Người bào chữa cho Bị cáo tranh luận:

Các bị cáo L và T1 mặc dù rút kháng cáo, nhưng đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình. Tòa án cấp sơ thẩm không cho các bị cáo này được hưởng tình tiết giảm nhẹ “*thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải*” đối với tội “*Giết người*” là có thiếu sót; đồng thời cần cho các bị cáo được hưởng mức hình phạt bằng $\frac{3}{4}$ của khung hình phạt đối với tội “*Giết người*” vì phạm tội chưa đạt.

Ngoài ra, người bào chữa cho bị cáo M đề nghị được giám định lại vết thương trên người bị hại có đúng là vết thương do đầu đạn bị cáo gây ra hay không.

Bị cáo M không tranh luận bổ sung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đơn kháng cáo của các bị cáo Trần Ngọc M, Dương Chí L và Nguyễn Minh T1 làm trong hạn luật định, đủ điều kiện đề thụ lý, giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Tại phiên tòa, các bị cáo L và T1 tự nguyện rút kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt nên đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của các bị cáo trên.

[2] Xét kháng cáo kêu oan của bị cáo Trần Ngọc M về tội “*Giết người*”, thấy rằng, Bị cáo thừa nhận có dùng súng ngắn, nhãn hiệu ZP-5, là vũ khí quân dụng, bắn 01 phát tạo ra tiếng nổ. Lời khai của bị cáo M phù hợp với lời khai của bị hại H1, lời khai của những người làm chứng và các tài liệu của cơ quan giám định (Kết luận giám định pháp y về thương tích số 311/TgT.22PY ngày 15/11/2022 của Trung tâm Pháp y tỉnh L kết luận Nguyễn Tiến H1 có 01 sẹo vùng cung mày trái, tỷ lệ thương tích là 03%; Công văn số 116/TTPY-GĐTH ngày 11/4/2023 của Trung tâm Pháp y tỉnh L kết luận, vết thương sẹo nhỏ vùng cung mày trái kích thước 1,3cm x 0,2cm trên mặt Nguyễn Tiến H1 là phù hợp do đầu đạn gây ra; Kết luận giám định số 4227/KL-KTHS ngày 28/7/2022 của Phân Viện Khoa học hình sự Bộ C tại Thành phố Hồ Chí Minh kết luận: Khẩu súng ổ xoay gửi giám định là súng chế tạo thủ công nòng nhẵn, sử dụng để bắn với đạn cỡ (5,6 x 15,6)mm... có tính năng tác dụng tương tự vũ khí quân dụng và thuộc nhóm vũ khí quân dụng... bắn với loại đạn phù hợp, đạn nổ vào cơ thể người có thể gây thương vong, ...vỏ đạn đã bắn gửi giám định là do khẩu súng ngắn ổ xoay bắn ra), có đủ cơ sở xác định bị cáo M đã dùng súng ngắn là loại vũ khí quân dụng bắn 01 phát trúng vào vùng cung mày trái của bị hại H1, có thể gây ra tử vong. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm kết luận bị cáo M (cùng các đồng phạm) phạm tội “*Giết người*” là đúng người, đúng tội.

[3] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo M, thấy rằng, xuất phát từ việc bị cáo L và bị cáo T1 cho rằng, anh Lê Văn L2 đẩy xe tại lối đi trước nhà anh

Nguyễn Tiến H, chặn lối đi của L và T1 (điều khiển mô tô), nên L và T1 đã rử M, cùng thống nhất ý chí, dùng súng (vũ khí quân dụng) và dao (hung khí) bắn và chém gây thương tích cho các bị hại (H bị tỷ lệ thương tích là 03%, H1 bị tỷ lệ thương tích là 07%, D3 bị tỷ lệ thương tích là 03%).

[4] Hành vi của bị cáo M là nguy hiểm cho xã hội, không những đã xâm hại đến tính mạng, sức khỏe của người khác được pháp luật bảo vệ; xâm phạm đến chế độ quản lý, sử dụng vũ khí quân dụng của Nhà nước mà còn gây mất trật tự trị an tại địa phương. Do đó, ngoài tội danh “*Giết người*”, Tòa án cấp sơ thẩm còn kết luận bị cáo M phạm tội “*Cố ý gây thương tích*” và tội “*Tàng trữ, sử dụng trái phép vũ khí quân dụng*” là có căn cứ, đúng pháp luật.

[5] Căn cứ vào vai trò, tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo M (cầm súng, đưa cho L và T1 mỗi người 01 con dao tự chế; dùng súng bắn trúng vào cung mày trái của anh H1; các bị cáo T1 và L dùng dao chém gây thương tích cho anh H1 04%, anh D3 03% và anh H 03%, gây hư hỏng xe ô tô của anh L2), các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự (thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải đối với tội “*Cố ý gây thương tích*” và “*Tàng trữ, sử dụng trái phép vũ khí quân dụng*”; tác động gia đình bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả quy định tại các điểm b, s, khoản 1 Điều 51 của BLHS). Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo M 12 năm tù về tội “*Giết người*”, 02 năm tù về tội “*Tàng trữ, sử dụng vũ khí quân dụng*”, 01 năm 06 tháng tù về tội “*Cố ý gây thương tích*” là phù hợp.

[6] Đối với các bị cáo L và T1, mặc dù Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng thiếu tình tiết giảm nhẹ “*thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải*” đối với tội “*Giết người*”, nhưng xét vai trò, tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo (T1 và L cùng rử M thực hiện tội phạm, dùng dao chém gây thương tích cho anh H1 04%, anh D3 03% và anh H 03%, gây hư hỏng xe ô tô của anh L2), các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo T1 11 năm tù, bị cáo L 10 năm tù về tội “*Giết người*” là phù hợp nên không có cơ sở để giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo về tội danh này theo đề nghị của người bào chữa.

[7] Bị cáo M kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, nhưng không có tình tiết giảm nhẹ mới nên đại diện Viện công tố đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị cáo M, giữ nguyên Bản án sơ thẩm là có cơ sở để chấp nhận.

[8] Các phần quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[9] Các bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lý trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ Điều 343; các điểm a, đ khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của các bị cáo Dương Chí L và Nguyễn Minh T1. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Ngọc M. Giữ

nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 91/2025/HS-ST ngày 12-9-2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

2. Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 123; Điều 15; Điều 17; điểm b khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50 và Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 (đối với tội “*Giết người*”); các điểm a, i khoản 1 Điều 134, Điều 17; các điểm s, b khoản 1; khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50 và Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 (đối với tội “*Cố ý gây thương tích*”); khoản 1 Điều 304; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 và Điều 50 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 (đối với tội “*Tàng trữ, sử dụng trái phép vũ khí quân dụng*”); Điều 55 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017),

Xử phạt bị cáo Trần Ngọc M 12 năm tù về tội “*Giết người*”, 01 năm 06 tháng tù về tội “*Cố ý gây thương tích*”, và 02 năm tù về tội “*Tàng trữ, sử dụng trái phép vũ khí quân dụng*”. Tổng hợp hình phạt, buộc Bị cáo chấp hành hình phạt chung là 15 năm 06 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 08/02/2023.

3. Áp dụng Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về Án phí, lệ phí Tòa án, buộc các bị cáo Trần Ngọc M, Dương Chí L và Nguyễn Minh T1, mỗi người phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các phần quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VCT&KSXXPT tại Tp. HCM;
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- Công an tỉnh Tây Ninh;
- Sở Tư pháp tỉnh Tây Ninh;
- THADS tỉnh Tây Ninh;
- Trại tạm giam số 02 (PC11B)-Công an tỉnh Tây Ninh (Trại tạm giam số 02 (PC11B)-Công an tỉnh Tây Ninh tổng đạt cho bị cáo);
- Lưu VP, hồ sơ vụ án, TTCL.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Ngọc Tuấn

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Hoàng Tấn

Dương Anh Văn

Trần Ngọc Tuấn